TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN** Bản án số: 50/2017/DS-ST Ngày: 27/10/2017 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hữu Lộc.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương.
2. Ông Huỳnh Kim Sơn.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017, về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2017/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm V, sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Số 140, Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh Long An; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm: 1970. Nơi cư trú: Ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 16/10/2017); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị M, sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh Long An; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm V trình bày như sau: Ngày 10/7/2011, bà có cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay 02 tháng, mục đích vay là để sử dụng vào việc trồng dưa hấu. Trong quá trình vay, ông T đã trả lãi cho bà đến ngày 01/01/2012 thì ngưng không trả lãi nữa và sau đó có trả được cho bà 5.000.000 đồng tiền vốn. Tại buổi hòa giải ngày 04/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã P, bà Lê Thị M là vợ của ông T thừa nhận còn nợ bà 5.000.000 đồng tiền vốn và 2.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 7.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả cho bà 500.000 đồng kể từ tháng 9/2013 cho đến khi hết nợ nhưng vợ chồng ông T, bà M không thực hiện được. Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Văn T và vợ là bà Lê

Thị M liên đới hoàn trả cho bà số tiền vốn vay là 5.000.000 đồng, hoàn trả 01 lần trong thời hạn 02 tháng, không yêu cầu tính lãi.

- *Tại phiên hòa giải ngày 16/10/2017,người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M trình bày:* Bà thừa nhận vợ chồng ông bà có vay của bà Trần Thị Cẩm V số tiền 10.000.000 đồng, hiện nay đã trả được cho bà V số tiền vốn 5.000.000 đồng còn lại thiếu lại số tiền vốn là 5.000.000 đồng. Trong khoảng thời gian vay, vợ chồng ông bà có trả lãi cho bà V nhưng không yêu cầu khấu trừ vào tiền vốn. Vợ chồng bà đồng ý hoàn trả cho bà V số tiền vốn 5.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên không thể hoàn trả trong thời gian 02 tháng và yêu cầu được hoàn trả như sau: Từ ngày 16/10/2017 đến tết âm lịch 2018, vợ chồng bà sẽ trả cho bà V từ 1.000.000 đến 2.000.000 đồng. Sau Tết, vợ chồng bà tiếp tục trả mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tại phiên tòa, bà M đề nghị được trả trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày 27/10/2017 đến ngày 27/02/2018 sẽ trả dứt nợ.

- *Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm V trình bày:* Bà đồng ý cho ông T và bà M trả nợ trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày 27/10/2017 đến ngày 27/02/2018 như bà M đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị Cẩm V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M hoàn trả số tiền vốn vay 5.000.000đ là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Trần Thị Cẩm V trình bày ngày 10/7/2011, bà có cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay 02 tháng, mục đích vay là để sử dụng vào việc trồng dưa hấu. Quá trình vay trả được 5.000.000 đồng tiền vốn còn nợ lại số tiền vốn là 5.000.000 đồng. Bà Lê Thị M xác nhận sự việc trên là đúng. Như vậy, việc ông T đã vay của bà V số tiền 10.000.000 đồng, đã trả được 5.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng là có thật.

[3] Trong quá trình cho vay, bà V thừa nhận ông T có trả lãi cho bà đầy đủ từ ngày 10/7/2011 đến ngày 01/01/2012. Tuy nhiên, bà M đại diện cho ông T không yêu cầu khấu trừ tiền lãi đã đóng vào tiền vốn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về cách thức trả nợ: Bà M yêu cầu được trả trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày 27/10/2017 đến ngày 27/02/2018. Yêu cầu này được bà V đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp,

quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147 và Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Trần Thị Cẩm V và ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị M. Ông T và bà M chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà V số tiền nợ vay là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) trong thời gian 04 tháng kể từ ngày 27/10/2017 đến ngày 27/02/2018.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Hoàn trả cho bà Trần Thị Cẩm V số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai số 0000360 ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Lộc